

Công bố quốc tế trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn của Việt Nam hiện nay

Nguyễn Quang Thuấn¹

¹ Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: thuanq_2000@yahoo.com

Nhận ngày 1 tháng 2 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Tóm tắt: Công bố quốc tế có vai trò quan trọng về đóng góp tri thức và khẳng định năng lực và chất lượng nghiên cứu của các nhà khoa học, các cơ quan nghiên cứu và quốc gia. Ở Việt Nam trong một vài năm gần đây, mặc dù số lượng và chất lượng các công trình công bố quốc tế đã tăng lên đáng kể, nhưng công bố quốc tế trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn (KHXH & NV) vẫn thấp hơn so với lĩnh vực khoa học tự nhiên (KHTN). Bài viết phân tích, đánh giá tình hình công bố quốc tế trong lĩnh vực KHXH & NV; nêu những thuận lợi và khó khăn đối với việc công bố quốc tế; từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy công bố quốc tế trong lĩnh vực KHXH & NV ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Công bố quốc tế, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: International publication has an important role in knowledge contribution and affirming the research capacity and quality of scientists, research institutions and countries. In Vietnam in recent years, although the number and quality of international publications have increased significantly, those in the field of social sciences and humanities are still lower than those in natural sciences. The article analyses and evaluates the current status of international publication in the field of social sciences and humanities, stating advantages and difficulties for the international publication; thereby, proposing solutions to promote international publication in the field in Vietnam in the upcoming future.

Keywords: International publication, social sciences and humanities, natural sciences.

Subject classification: Politics

1. Mở đầu

Khoa học xã hội và nhân văn được coi là lĩnh vực đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Báo cáo Khoa học xã hội thế giới, được Hội đồng Khoa học xã hội của UNESCO thực hiện ba năm một lần vào các năm 2010, 2013 và 2016 liên tục khẳng định vai trò tạo ra hệ thống tri thức, lí luận cũng như cơ sở thực tiễn góp phần trả lời cho những vấn đề toàn cầu về môi trường, giảm đói nghèo, bất bình đẳng, v.v., cũng như đưa ra những dự báo kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng cho quá trình hoạch định chính sách. Trong Báo cáo Khoa học xã hội thế giới năm 2010, bà Irina Bokova, Tổng Thư ký UNESCO nhận định: “KHXH & NV là một công cụ vô giá để thúc đẩy sự đồng thuận quốc tế về những mục tiêu phát triển, nhằm đáp ứng những thách thức có tính chất toàn cầu và nâng cao chất lượng sống của con người. Nhưng thông tin và tri thức mà khoa học xã hội tạo ra về cách con người tương tác với nhau và môi trường, góp phần to lớn trong việc hình thành những chính sách hiệu quả nhằm định hình một thế giới tốt hơn cho tất cả mọi người” [3]. Báo cáo Khoa học xã hội thế giới 2013 cũng khẳng định, khoa học xã hội có đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy các quá trình chuyển đổi xã hội tích cực. Điều này đòi hỏi phải vượt ra khỏi những trở ngại của lợi ích bề nổi, vượt khỏi việc chính trị hóa khoa học và thói quen cố hữu trong suy nghĩ và hành vi [4]. Báo cáo Khoa học xã hội thế giới 2016 nhấn mạnh lần nữa vai trò của KHXH & NV trong nghiên cứu và giải quyết vấn đề bất bình đẳng và xây dựng chương trình nghị sự đạt tới các mục

tiêu thiên niên kỷ, đặc biệt là cam kết “không bỏ ai lại phía sau” trong quá trình phát triển [5].

Tuy vậy, theo Báo cáo Khoa học xã hội thế giới năm 2010, sự chênh lệch lớn về năng lực nghiên cứu giữa các quốc gia và hệ thống tri thức bị phân tán đang cản trở năng lực của khoa học xã hội trong việc giải quyết những thách thức mà nhân loại đang đối mặt. Mặc dù chúng ta đang xây dựng một xã hội tri thức, thực tiễn cho thấy, các nhà khoa học xã hội xây dựng được nhiều công trình có chất lượng vượt trội và giá trị thực tiễn to lớn, nhưng kiến thức khoa học xã hội thường lại phát triển thấp nhất ở những nơi thật sự cần đến chúng [3].

Điều này đặt ra yêu cầu quan trọng của việc chia sẻ hệ thống tri thức, kinh nghiệm giải quyết thách thức từ các kết quả nghiên cứu KHXH & NV giữa các quốc gia, các khu vực, nhằm vượt lên trên những khoảng cách không gian và thời gian. Công bố quốc tế là kênh hữu hiệu để thực hiện điều đó.

Tại Việt Nam, KHXH & NV đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp các bằng chứng, cơ sở khoa học để xây dựng các chủ trương, đường lối, chính sách, góp phần phát triển đất nước. Hiện nay, trong quá trình bắt đầu chuẩn bị Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, các nhà khoa học thuộc lĩnh vực KHXH & NV đang tích cực tham gia tổng kết, chất lọc các kết quả nghiên cứu cũng như triển khai các nghiên cứu nhằm phục vụ việc xây dựng Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, tổng kết Cương lĩnh xây dựng đất nước (sửa đổi năm 2011), xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 cũng như Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025.

Công bố quốc tế vừa đảm bảo đóng góp vào hệ thống tri thức chung, vừa giúp giới thiệu những đặc thù, đặc sắc về văn hóa, xã hội, hình ảnh đất nước, con người, con đường phát triển riêng của Việt Nam với khu vực, với thế giới, tạo cơ sở cho thế giới hiểu biết về Việt Nam nhiều hơn, và chính điều này giúp tăng cường hợp tác, hội nhập của Việt Nam với thế giới. Công bố quốc tế cũng là một cách để bảo vệ chủ quyền, xây dựng chủ quyền đất nước qua việc nghiên cứu và công bố trên các tạp chí quốc tế những nghiên cứu về biên giới, biển đảo, về con đường phát triển của Việt Nam.

Với cá nhân nhà nghiên cứu, xuất bản là thước đo quan trọng để các nhà nghiên cứu được ghi nhận, đánh giá chuyên môn trong một lĩnh vực nhất định, là cách để chia sẻ bằng chứng, kết quả nghiên cứu với các nhà khoa học khác để liên tục kế thừa, góp phần phát triển khoa học. Công bố quốc tế cũng là cách để mỗi nhà nghiên cứu hay cơ quan nghiên cứu có được sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế; thậm chí quốc gia, khu vực của tác giả có công trình nghiên cứu mang tầm ảnh hưởng toàn cầu cũng được vinh danh và ghi nhớ, góp phần nâng cao uy tín và vị thế quốc tế. Vì thế, mệnh đề “Publish or Perish” (xuất bản công trình nghiên cứu hay lui tàn nghề nghiệp) ngay từ đầu thế kỷ XX đã được các nhà nghiên cứu nêu lên [2] nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xuất bản. Đặc biệt, xu hướng toàn cầu hóa, yêu cầu liên ngành, đa ngành trong nghiên cứu đã hình thành nên mạng lưới quốc tế các nhà nghiên cứu, đặt ra yêu cầu ngày càng cần thiết của hội nhập quốc tế với các nhà KHXH & NV Việt Nam. Điều này được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII (2016) trong

việc phải “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế... Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hoá, xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác” [1, tr. 35-36].

2. Tình hình công bố quốc tế trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Các nhà nghiên cứu Việt Nam thực hiện tương đối tốt việc công bố trong nước qua hệ thống các tạp chí chuyên ngành và nhà xuất bản. Lịch sử ngành KHXH & NV cho thấy có rất nhiều công trình khoa học tầm cỡ, có giá trị lí luận và thực tiễn lớn nhưng chưa xuất bản quốc tế. Trong hơn ¾ thế kỷ XX, Việt Nam tập trung toàn bộ lực lượng và tinh hoa cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, các công trình nghiên cứu giai đoạn này tập trung chủ yếu cho sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Sau khi thống nhất đất nước đến trước Đổi mới năm 1986, xã hội Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn trong khi bị bao vây, cấm vận của Mỹ. Ở thời kỳ này, KHXH & NV và hợp tác quốc tế gặp khó khăn, nên công bố quốc tế rất hạn chế. Các nhà khoa học Việt Nam chủ yếu được đào tạo trong nước hoặc ở Liên Xô và Đông Âu, với mô hình phát triển kinh tế, xã hội cũng như khoa học xã hội đặc thù, mang tính khép kín trong khối Hội đồng Tương trợ Kinh tế, hạn chế rất lớn sự hội nhập của KHXH & NV với khu vực và thế giới.

Từ sau Đổi mới, Việt Nam ngày càng hội nhập quốc tế sâu rộng về mọi mặt, trong đó có khoa học và công nghệ, là điều kiện quan trọng để các nhà khoa học Việt Nam nghiên cứu và công bố quốc tế các công

trình của mình. Theo thống kê của Web of Science (cơ sở dữ liệu khoa học cung cấp thông tin về danh mục tạp chí uy tín thế giới), thì giai đoạn 2011-2016, Việt Nam có tổng số hơn 15 nghìn công bố thuộc danh mục Viện Thông tin Khoa học (ISI); tỷ lệ tăng trưởng trung bình đạt 17% mỗi năm. Khoảng thời gian này, công bố quốc tế của Việt Nam tăng gần ba lần, từ 1.461 (2011) lên 3.814 (2016). Tuy nhiên, con số này vẫn còn thấp xa so với nhiều quốc gia trong khu vực (bằng khoảng 40% Thái Lan và 1/4 Singapore, tính trong năm 2016) [8], [9]. Mức độ hội nhập quốc tế và công bố quốc tế của ngành còn khoảng cách khá xa so với mức độ hội nhập chung của đất nước. Điều đáng lưu ý là, số lượng công trình công bố quốc tế trong một vài năm gần đây tăng khá rõ, nhưng công bố quốc tế trong lĩnh vực KHXH & NV thấp hơn khá nhiều so với lĩnh vực khoa học tự nhiên.

Tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, công bố quốc tế bao gồm các sách, chương sách xuất bản ở nước ngoài, các bài hội thảo quốc tế in kỷ yếu ở nước ngoài, và các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế ở nước ngoài. Tín hiệu mừng là số lượng công bố quốc tế tăng dần, nhất là từ năm 2016 đến nay, tập trung chủ yếu ở các nhóm ngành kinh tế, luật, triết học, gia đình và giới, văn hóa, tâm lý học, xã hội học, hán nôm, các nghiên cứu về vùng. Năm 2017, Viện Hàn lâm có 171 công trình công bố quốc tế, và theo thống kê chưa đầy đủ, năm 2018 là 394 công trình, trong đó có 18 sách xuất bản quốc tế, 61 bài tạp chí/chương sách quốc tế và còn lại là các báo cáo trình bày tại các hội thảo, hội nghị quốc tế đã và chuẩn bị in kỷ yếu. Kết quả này cho thấy sự nỗ lực lớn của các nhà

nghiên cứu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam trong việc công bố quốc tế so với các năm trước. Tuy nhiên, các công trình công bố trong danh mục ISI, Scopus còn khá thấp và một số nhóm ngành vẫn tiếp tục gặp khó khăn trong việc có công trình công bố quốc tế.

3. Những thuận lợi và khó khăn đối với việc công bố quốc tế trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Công bố quốc tế các công trình KHXH & NV, nhất là công bố ở những tạp chí chuyên ngành uy tín, đòi hỏi những quy định khá ngặt nghèo và phức tạp. Về hình thức, mỗi tạp chí, nhà xuất bản có những quy định riêng về số lượng từ, cách tổ chức các mục/tiểu mục, trích dẫn, trình bày bảng/biểu, văn phong diễn đạt, ngôn ngữ v.v. mà nhà nghiên cứu phải tuân thủ. Về nội dung, các công trình phải qua các khâu đọc và phê duyệt của Ban Biên tập, của peer review (phản biện kín), mỗi vòng là một lần tác giả phải biên tập, sửa chữa theo các góp ý cho đến khi Ban Biên tập đồng ý với bản cuối cùng. Về cách thức xuất bản, nhà nghiên cứu có thể gửi các tạp chí (không mất phí hoặc phải mất phí) hoặc nhà xuất bản (nhà xuất bản chi trả phí in ấn dựa trên thẩm định giá trị “thương mại” của công trình hoặc nhà nghiên cứu tự chi trả). Thời gian thông thường để công bố quốc tế là khoảng 2 năm hoặc lâu hơn.

Điểm thuận lợi trong công bố quốc tế của các nhà nghiên cứu KHXH & NV ở Việt Nam là, chúng ta có nhiều đặc sắc về lịch sử, mô hình phát triển kinh tế, đa dạng dân tộc, đa dạng văn hóa, quá trình chuyển

đổi và biến đổi từ truyền thống sang hiện đại theo hình thức hiện đại hóa rút ngắn của Việt Nam. Ở xã hội Việt Nam hiện nay, cùng với những đặc điểm của xã hội truyền thống, có những đặc điểm của xã hội hiện đại và cả hậu hiện đại, tạo nên một trường hợp nghiên cứu thú vị cho các nhà nghiên cứu thực hiện các ý tưởng nghiên cứu của mình, và chia sẻ với cộng đồng quốc tế về cả phương diện lí luận và thực tiễn. Trong quá trình toàn cầu hóa, những nét đặc thù riêng của xã hội Việt Nam là điểm thu hút sự quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu của cộng đồng khoa học cũng như các nhà chính trị, quản lý xã hội.

Xu hướng liên ngành, nghiên cứu so sánh giữa các xã hội, giữa các khu vực, giữa các nền văn hóa nhằm phân tích những nét đặc thù và đa dạng, học hỏi mô hình phát triển của nhau cũng là điều kiện thuận lợi cho các nhà nghiên cứu. Ví dụ, các xã hội đang chuyển đổi như Việt Nam đang cần những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, quản lý xã hội, gia đình, an sinh xã hội của những nước đi trước và các xã hội đã phát triển cũng đang dần nhận ra những hệ quả không mong muốn của hiện đại hóa, của chủ nghĩa cá nhân, của quá trình tự động hóa đến quan hệ gia đình, cộng đồng, sự bền vững dân số và mong muốn học hỏi những giá trị truyền thống tốt đẹp đang được gìn giữ ở Việt Nam. Đây là điều kiện thuận lợi để các nhà nghiên cứu Việt Nam hợp tác nghiên cứu và xuất bản.

Ngành KHXH & NV đang có bước chuyển thể hệ khá rõ, theo đó, số lượng các nhà nghiên cứu trẻ được đào tạo bài bản trong và ngoài nước tăng lên, tiếp cận và làm chủ được ngoại ngữ, các phương pháp

và kỹ thuật nghiên cứu hiện đại, có nhiều điều kiện thuận lợi hơn các thế hệ nghiên cứu đi trước trong công bố quốc tế.

Về thể chế, yêu cầu công bố quốc tế đang dần trở thành một yêu cầu bắt buộc đối với đầu vào và đầu ra của nhiều loại đề tài, chẳng hạn như các đề tài do NAFOSTED tài trợ hay là yêu cầu bài báo quốc tế đối với đầu ra của nghiên cứu sinh, bài báo quốc tế thứ hạng cao đối với các giáo sư/phó giáo sư hay dự thảo yêu cầu công bố quốc tế thứ hạng cao đối với các ứng viên phó giáo sư và giáo sư của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Những chuyển biến này tạo ra nhu cầu và sức ép về công bố quốc tế cho các nhà nghiên cứu và về lâu dài có thể tạo ra quá trình sàng lọc tất yếu lực lượng nghiên cứu theo tiêu chuẩn mới.

Bên cạnh những thuận lợi đã nêu trên, thì việc công bố quốc tế trong lĩnh vực KHXH & NV ở Việt Nam cũng có những khó khăn mà nhà nghiên cứu, cũng như về phương diện chính sách đang gặp phải.

Khó khăn trở ngại lớn được cho là khả năng sử dụng ngoại ngữ của nhiều nhà nghiên cứu chưa đủ tốt để viết bài trực tiếp, và cũng khó thẩm định được chất lượng của bản dịch công trình trước khi gửi đi. Ngoại ngữ chưa tốt cũng dẫn đến việc hạn chế tiếp cận các nghiên cứu mới, cập nhật các xu hướng nghiên cứu trên thế giới để có tổng quan nghiên cứu thuyết phục, có cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu phù hợp chuẩn quốc tế.

Công trình công bố quốc tế đòi hỏi trước hết phải là công trình có chất lượng chuyên môn cao, có tổng quan cập nhật và chất lượng, số liệu và phương pháp tin cậy, có các luận cứ khoa học vững chắc, có các phát hiện khoa học rõ ràng, có giá trị lí luận

và thực tiễn thuyết phục, cùng việc đảm bảo các quy định về đạo đức nghề nghiệp và hình thức trình bày chuẩn mực. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu còn chưa đạt chuẩn bài viết quốc tế như vậy. Ví dụ, hệ thống tài liệu trích dẫn đáp ứng chuẩn tạp chí có thể theo hệ Hiệp hội Tâm lý Hoa Kỳ (APA), hệ của Đại học Harvard, hệ của Đại học Chicago, hoặc của Springer phải đảm bảo chuẩn mực.

Nhiều chủ đề nghiên cứu ở Việt Nam có tính đặc thù cao, nhiều vấn đề xã hội Việt Nam đang trải qua không còn là chủ đề ưu tiên của nhiều tạp chí quốc tế, nên cũng hạn chế khả năng xuất bản các nghiên cứu KHXH & NV ở nước ngoài nếu không tìm hiểu và lựa chọn đúng tạp chí hay nhà xuất bản.

Khó khăn tiếp theo là nhận thức còn chưa thực sự nghiêm túc của nhiều nhà khoa học xã hội về sự cần thiết phải có công bố quốc tế, có thể bắt nguồn từ chiều dài lịch sử của ngành trong bối cảnh đất nước có chiến tranh; chính sách đóng cửa, bị bao vây cấm vận về quốc tế đầu những năm 1980, thế giới quan hội nhập vì thế có thể bị giới hạn. Ngoài ra, với nhiều hệ đề tài và cách đánh giá vị trí việc làm hiện nay, công bố quốc tế chưa phải là yêu cầu bắt buộc nên cũng làm giảm áp lực phải công bố của các nhà nghiên cứu ra môi trường học thuật nước ngoài.

4. Đề xuất giải pháp thúc đẩy công bố quốc tế trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Để có thể nâng cao số lượng cũng như chất lượng các công bố quốc tế trong lĩnh vực

KHXH & NV trong thời gian tới, trước hết cần có sự chuyển đổi nhận thức mạnh mẽ của cộng đồng nghiên cứu, các cấp quản lý về tầm quan trọng của công bố quốc tế.

Tính tự chủ trong nghiên cứu KHXH & NV cần phát huy bằng cách xây dựng, nâng cấp một số tạp chí chuyên ngành có chất lượng chuyên môn tại Việt Nam (đặc biệt là các tạp chí bằng tiếng nước ngoài) để theo lộ trình được công nhận thuộc danh mục tạp chí uy tín được xếp hạng.

Để thực hiện mục tiêu này, các tạp chí cần áp dụng chế độ phản biện bài (peer review) một cách nghiêm túc, xây dựng hệ thống chuyên gia phản biện kín chuyên nghiệp và có chất lượng chuyên môn. Đây là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng tạp chí và là tiêu chuẩn bắt buộc trong đánh giá tạp chí chuẩn quốc tế. Đồng thời, nâng cao vai trò và chất lượng của Hội đồng Biên tập tạp chí. Chẳng hạn, các tạp chí có thể xây dựng hội đồng biên tập quốc tế bằng cách mời các nhà khoa học quốc tế uy tín, đặc biệt là thành viên Hội đồng Biên tập của các tạp chí trong danh mục Scopus và ISI tham gia Hội đồng Biên tập, nhằm giúp xây dựng chiến lược, mục tiêu, bản sắc chuyên môn, tiêu chuẩn và quy trình cho tạp chí, không đơn thuần là sử dụng tên tuổi để quảng bá. Các tạp chí cần sử dụng nhiều hơn các nhà nghiên cứu trẻ có nhiều công bố quốc tế, giỏi ngoại ngữ, có năng lực chuyên môn, và thực sự có khát vọng cống hiến vào các Hội đồng Biên tập, nhằm xây dựng một thế hệ kế cận với những thay đổi về chất trong việc nâng cấp bài tạp chí theo chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, nên chọn lựa Tổng Biên tập có trình độ chuyên môn, uy tín học thuật, sự năng động và quyết đoán, khả năng ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp

và khả năng kết nối khoa học trong và ngoài nước.

Tiếp cận được với mạng lưới người đọc trong và ngoài nước cũng là một biện pháp hiệu quả để tạp chí được biết đến và ghi nhận. Vì thế, các tạp chí cần tăng cường công bố bản điện tử để mở rộng khả năng tiếp cận của mạng lưới độc giả, nhất là ở thời đại kỹ thuật số như hiện nay. Đồng thời, cần đăng kí sách dẫn (index) với các website tra cứu khoa học có uy tín như Google Scholar, Advanced Sciences Index, Scientific Indexing Services, JSTOR, v.v.. Các website này được học giả toàn cầu sử dụng để tra cứu nguồn tài liệu nghiên cứu nên giúp kết nối với cộng đồng khoa học quốc tế tốt hơn, nhanh hơn.

Nguồn bài đóng vai trò quyết định khả năng duy trì và chất lượng của tạp chí. Nếu chọn đăng bài viết có chất lượng chuyên môn vừa phải, tỷ lệ từ chối bài thấp, về ngắn hạn có thể giúp một tạp chí thu hút được lượng bài phong phú vì sự dễ tính. Về dài hạn, điều đó lại làm uy tín chuyên môn của tạp chí giảm, khó có thể vươn tới những đỉnh cao về chất lượng. Các tạp chí uy tín, đỉnh cao trong KHXH & NV, ví dụ như American Sociological Review, có tỷ lệ chấp nhận bài cực thấp. Năm 2017, tạp chí nhận được 770 bài, chỉ có 36 bài được chấp nhận đăng không điều kiện, 40 bài được chấp nhận đăng có điều kiện và 73 bài đề nghị sửa chữa và nộp lại, có nghĩa là, đại đa số bài nộp bị từ chối [6]. Năm 2016, các tạp chí kinh tế như Economic Development and Cultural Change có tỷ lệ chấp nhận bài 5,7%, tạp chí Journal of Development Economics có tỷ lệ chấp nhận bài 6%, v.v. [7]. Song lượng bài nộp hàng năm của các tạp chí này gần như không đổi, và nhà khoa

học có bài đăng trên những tạp chí này là một chứng nhận năng lực chuyên môn cho vị trí việc làm của nhiều trường đại học và viện nghiên cứu trên toàn thế giới. Như vậy, sự “khó tính” của tạp chí chính là một thước đo uy tín và chất lượng lâu bền.

Ngoài ra, về mặt thể chế, cần xây dựng các chính sách khuyến khích, động viên xuất bản quốc tế của nhà khoa học, như cộng điểm trong nghiệm thu đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, nâng lương, thưởng, ưu tiên giao đề tài đối với các cán bộ thường xuyên có những công bố quốc tế có chất lượng cao, nhằm tạo ra những động lực lành mạnh cho công bố quốc tế.

Ở nhiều quốc gia, xuất bản trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín là một điều kiện quan trọng để bảo vệ vị trí việc làm ở các trường đại học hay viện nghiên cứu. Việt Nam nên có lộ trình xây dựng tiêu chuẩn công bố quốc tế (cùng với các tiêu chuẩn chuyên môn khác) theo vị trí việc làm và đánh giá phân loại, bổ nhiệm công chức, viên chức nhằm tiệm cận với tiêu chuẩn nhà khoa học mà nhiều cơ sở khoa học trên thế giới đang áp dụng.

Tiếp tục đầu tư chiều sâu cho khoa học từ bậc đào tạo đại học về các phương pháp nghiên cứu và bài viết khoa học chuẩn mực về cả nội dung và hình thức để tạo nền tảng lâu dài về chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời đảm bảo môi trường học thuật dân chủ, minh bạch cho các nhà nghiên cứu và các tạp chí chuyên ngành.

Điều cần trao đổi thêm là, trong lĩnh vực KHXH & NV nên xây dựng danh mục các tạp chí, nhà xuất bản uy tín theo đánh giá độc lập của chúng ta, không nên phụ thuộc vào danh mục xếp hạng của nước ngoài vốn

ít nhiều có sự thiên lệch theo quốc gia và tổ chức xếp hạng. Một số tạp chí, một số quốc gia có trình độ khoa học phát triển cao nhưng không nằm trong danh mục ISI hay Scopus.

5. Kết luận

Công bố khoa học là công đoạn cuối cùng trong chuỗi các hoạt động nghiên cứu của cộng đồng khoa học. Việc đưa các công trình đến với giới khoa học quốc tế có vai trò hết sức quan trọng, khẳng định năng lực và vị thế nghiên cứu của các nhà khoa học, các cơ quan nghiên cứu và mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, trong lĩnh vực KHXH & NV, công bố quốc tế không chỉ nhằm tham gia diễn đàn học thuật để chia sẻ, phổ biến tri thức, mà còn giới thiệu về đất nước, con người, khẳng định bản sắc văn hóa Việt Nam và góp phần đưa đất nước hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới. Để thúc đẩy, nâng cao số lượng và chất lượng các công bố quốc tế trong lĩnh vực KHXH & NV hiện nay, Việt Nam cần thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp cụ thể, rõ ràng không chỉ từ phía các cơ quan quản lý khoa học, mà cần có sự hợp tác của các tổ chức và sự nỗ lực của cá nhân nhà khoa học Việt Nam vươn lên khẳng định vị thế của mình trong hội nhập quốc tế và phát triển.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Case, Clarence Marsh (1927–1928), “Scholarship in Sociology”, *Sociology and Social Research*, 12: 323–340. ISSN 0038-393. LCCN sn83004127. OCLC 508837 7-via Google Books.
- [3] UNESCO (2010), *World Social Sciences Report 2010: Knowledge Divides*, International Social Science Council.
- [4] UNESCO (2013), *World Social Sciences Report 2013: Changing Global Environments*, ISBN 978-92-3-104254-6 (PDF and Print), International Social Science Council.
- [5] UNESCO (2016), *World Social Sciences Report 2016: Challenging Inequalities: Pathways to Just World*.
- [6] <http://www.asanet.org/research-and-publications/journal-resources/annual-editors-reports#ASR>.
- [7] <https://blogs.worldbank.org/impactevaluations/state-development-journals-2017-quality-acceptance-rates-and-review-times>.
- [8] <https://dantri.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/so-luong-cong-bo-khoa-hoc-quoc-te-cua-viet-nam-vuot-nguong-3000-bai-nam-20160809111445138.htm>.
- [9] <https://vnexpress.net/khoa-hoc/cong-bo-quoc-te-cua-viet-nam-chi-bang-1-3-thai-lan-3632184.html>.